Chi tiết mã HS 0304.44.00

Mã HS	0304.44.00
Mô tả hàng hóa	Phi-lê cá và các loại thịt cá khác (đã hoặc chưa xay, nghiền, băm), tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh / - Phi-lê cá tươi hoặc ướp lạnh của các loại cá khác: / - - Cá thuộc các họ Bregmacerotidae, Euclichthyidae, Gadidae, Macrouridae, Melanonidae, Merlucciidae, Moridae và Muraenolepididae
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	04/11/2026 03:03:09
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/03044400/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	22.5	22,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K449
Thuế NK ưu đãi (MFN)	15	15%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N449
Thuế GTGT (VAT)	*/5/8/10	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q449
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-05-31	BT2026!CJ449
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-TH)	0% (trừ TH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	3	3%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AANZFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	7,5	7,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	7,5	7,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

RCEP (Phụ lục C)	7,5	7,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	7,5	7,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	7,5	7,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	8,2	8,2%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	15	15%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	15	15%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E444
ATIGA	2022	2022	0	AT!E445
ATIGA	2023	2023	0	AT!F445
ATIGA	2024	2024	0	AT!G445
ATIGA	2025	2025	0	AT!H445
ATIGA	2026	2026	0	AT!I445
ATIGA	2027	2027	0	AT!J445
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	2	AJ!E447
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F447
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G447
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H447

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I447
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J447
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E447
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F447
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G447
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H447
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I447
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J447
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F445
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		5	AANZ!H444
AIFTA	30/12/2022	2022	18	AI!F447
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	17	AI!G447
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	16	AI!H447
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	15	AI!I447
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	15	AI!J447
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	15	AI!K447
VKFTA	2022	2022	0	VK!E445
VKFTA	2023	2023	0	VK!F445
VKFTA	2024	2024	0	VK!G445
VKFTA	2025	2025	0	VK!H445
VKFTA	2026	2026	0	VK!I445
VKFTA	2027	2027	0	VK!J445
VCFTA	2022	2022	22	VC!D446
VCFTA	2023	2023	22	VC!E446
VCFTA	2024	2024	5	VC!F446
VCFTA	2025	2025	5	VC!G446

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	5	VC!H446
VCFTA	2027	2027	5	VC!I446
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D449
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E449
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F449
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G449
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H449
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I449
AHKFTA	2022	2022	9	AKH!D446
AHKFTA	2023	2023	6	AKH!E446
AHKFTA	2024	2024	6	AKH!F446
AHKFTA	2025	2025	3	AKH!G446
AHKFTA	2026	2026	3	AKH!H446
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I446
EVFTA	2022	2022	3,7	EV-NK!D446
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E446
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F446
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G446
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H446
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I446
UKVFTA	2022	2022	3,7	UKV!D448
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E448
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F448
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G448
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H448
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I448

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D446
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E446
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F446
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G446
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H446
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I446
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J446
RCEP A	2022	2022	13,5	RCEPT-A!D445
RCEP A	2023	2023	12	RCEPT-A!E445
RCEP A	2024	2024	10,5	RCEPT-A!F445
RCEP A	2025	2025	9	RCEPT-A!G445
RCEP A	2026	2026	7,5	RCEPT-A!H445
RCEP A	2027	2027	6	RCEPT-A!I445
RCEP B	2022	2022	13,5	B!D445
RCEP B	2023	2023	12	B!E445
RCEP B	2024	2024	10,5	B!F445
RCEP B	2025	2025	9	B!G445
RCEP B	2026	2026	7,5	B!H445
RCEP B	2027	2027	6	B!I445
RCEP C	2022	2022	13,5	C!D445
RCEP C	2023	2023	12	C!E445
RCEP C	2024	2024	10,5	C!F445
RCEP C	2025	2025	9	C!G445
RCEP C	2026	2026	7,5	C!H445
RCEP C	2027	2027	6	C!I445
RCEP D	2022	2022	13,6	D!D445

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	12,3	D!E445
RCEP D	2024	2024	10,9	D!F445
RCEP D	2025	2025	9,5	D!G445
RCEP D	2026	2026	8,2	D!H445
RCEP D	2027	2027	6,8	D!I445
RCEP E	2022	2022	13,5	E!D445
RCEP E	2023	2023	12	E!E445
RCEP E	2024	2024	10,5	E!F445
RCEP E	2025	2025	9	E!G445
RCEP E	2026	2026	7,5	E!H445
RCEP E	2027	2027	6	E!I445
RCEP F	2022	2022	13,5	F!D445
RCEP F	2023	2023	12	F!E445
RCEP F	2024	2024	10,5	F!F445
RCEP F	2025	2025	9	F!G445
RCEP F	2026	2026	7,5	F!H445
RCEP F	2027	2027	6	F!I445
VIFTA	2024	2024	15	VI!F426
VIFTA	2025	2025	15	VI!G426
VIFTA	2026	2026	15	VI!H426
VIFTA	2027	2027	15	VI!I426

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-003	YELLOW	Kiểm dịch	Chính sách mặt hàng: Động vật, sản phẩm động vật thủy sản phải kiểm dịch (01/2024/TT-BNNPTNT M5)		01/2024/TT-BNNPTNT	Đăng ký kiểm dịch động/thực vật theo quy định.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
FTA-013	YELLOW	Thuế FTA không thấp hơn MFN	AIFTA 15%, VIFTA 15%: thuế suất ưu đãi đặc biệt bằng hoặc cao hơn thuế MFN (15%) theo biểu nguồn – áp dụng FTA không mang lại tiết kiệm.	MFN 15%		Cân nhắc áp dụng thuế MFN (nếu nước xuất xứ đáp ứng điều kiện MFN) thay vì chuẩn bị chứng từ xuất xứ FTA.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “*/5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 0304.44.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 15% của mã 0304.44.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N449), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Động vật, sản phẩm động vật thủy sản phải kiểm dịch (01/2024/TT-BNNPTNT M5)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.